

## KẾ HOẠCH

### Nâng cao chỉ số chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 405/QĐ-BKHCN ngày 03/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”;

Căn cứ Kế hoạch số 283/KH-UBND ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 13/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Với mục tiêu tiếp tục nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI) cấp tỉnh, đẩy mạnh công tác xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao chỉ số chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026, cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

a) Đánh giá các kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân, tiêu chí thành phần chưa đạt của kết quả chỉ số chuyển đổi số năm 2025 (đánh giá số liệu năm 2024) và ước kết quả đạt được chỉ số chuyển đổi số năm 2026 (đánh giá số liệu năm 2025) và đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả, phân công rõ trách nhiệm thực hiện trong thời gian tới; phân đấu chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh đạt từ 0.7 trở lên.

b) Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện công tác chuyển đổi số; phân công nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện hiệu quả các chỉ số thành phần của DTI tại Quyết định số 405/QĐ-BKHCN ngày 03/4/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

## 2. Yêu cầu

a) Yêu cầu các cơ quan, đơn vị và các doanh nghiệp có liên quan tăng cường công tác phối hợp, cung cấp thông tin kịp thời liên quan đến chuyển đổi số; xác định việc hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao góp phần trong việc nâng cao chỉ số DTI của tỉnh.

b) Duy trì các tiêu chí đã đạt điểm cao; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra nhằm đảm bảo cải thiện, nâng cao các nhóm tiêu chí đạt điểm thấp, chưa đạt điểm.

## II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ SỐ DTI

Theo báo cáo chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ được công bố vào tháng 10/2025, gồm 8 chỉ số chính và 47 chỉ số thành phần, tỉnh Đồng Tháp xếp hạng 27/34 về chỉ số DTI cấp tỉnh. Trong đó, kết quả từng chỉ tiêu đạt được như sau:

STT	Các chỉ số chính	Điểm chuẩn chỉ số	Điểm đạt được		Xếp hạng từng chỉ số so với 63 tỉnh, thành phố		Xếp hạng chung
			Tiền Giang (cũ)	Đồng Tháp (cũ)	Tiền Giang (cũ)	Đồng Tháp (cũ)	
1	Nhận thức số	50	45	50	51/63	1/63	27/34 (Tiền Giang cũ: 51/63; Đồng Tháp cũ: 45/63)
2	Thẻ chế số	50	40	50	45/63	1/63	
3	Hạ tầng số	200	140	109.83	1/63	49/63	
4	Nhân lực số	100	45.9	84.22	50/63	36/63	
5	An toàn thông tin mạng	100	75.25	86.18	44/63	25/63	
6	Hoạt động chính quyền số	200	90.99	78.47	54/63	61/63	
7	Hoạt động kinh tế số	150	83.66	88.31	33/63	24/63	
8	Hoạt động xã hội số	150	75.23	77.79	43/63	33/63	
	<b>TỔNG</b>	<b>1000</b>	<b>596.03</b>	<b>624.8</b>			

Bảng 1. Kết quả công bố chỉ số DTI năm 2024

Căn cứ theo Quyết định số 405/QĐ-BKHCN ngày 03/4/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia, dự kiến kết quả chỉ số chuyển đổi số năm 2025 của tỉnh Đồng Tháp:

STT	Các chỉ số chính	Điểm chuẩn chỉ số	Điểm dự kiến đạt được do Sở Khoa học và Công nghệ đánh giá	Ghi chú
1	Nhận thức số	50	50	
2	Thế chế số	50	40	
3	Hạ tầng số	200	200	
4	Nhân lực số	100	76.16	
5	An toàn thông tin mạng	100	81.25	
6	Hoạt động chính quyền số	200	150	
7	Hoạt động kinh tế số	150	110	
8	Hoạt động xã hội số	150	110	
	<b>TỔNG</b>	<b>1.000</b>	<b>817.41</b>	

*Bảng 2. Dự kiến kết quả chỉ số DTI năm 2025 của tỉnh Đồng Tháp*

Trong các nhóm tiêu chí DTI năm 2024 và 2025, có nhiều chỉ số thành phần thuộc lĩnh vực quản lý của các sở, ban, ngành còn hạn chế như: dịch vụ công trực tuyến, nhân lực chuyển đổi số, kinh phí đầu tư kinh tế số, xã hội số, chính quyền số, giá trị tăng thêm của kinh tế số.... (chi tiết Phụ lục I)

**III. NỘI DUNG THỰC HIỆN NÂNG CAO CHỈ SỐ DTI NĂM 2026** (chi tiết Phụ lục II)

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch: sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường**

a) Phổ biến quán triệt nội dung Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý để nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong tham mưu, triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương; tích cực tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các phần mềm dùng chung của tỉnh và thanh toán không dùng tiền mặt... để thúc đẩy nâng cao điểm chỉ số thành phần trong hoạt động xã hội số và kinh tế số.

b) Triển khai thực hiện các chỉ tiêu liên quan về dịch vụ công trực tuyến, tuyên truyền nâng cao hiệu quả chất lượng cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến tại Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 23/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

c) Rà soát, đảm bảo 100% các hệ thống thông tin của cơ quan đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt. Định kỳ kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; xây dựng Phương án Ứng cứu sự cố an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin do cơ quan, đơn vị vận hành.

d) Thực hiện các nhiệm vụ, các chỉ tiêu và các nội dung liên quan tại Kế hoạch số 252/KH-UBND ngày 17/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

đ) Đảm bảo 100% các máy tính được cài chương trình giám sát, chia sẻ thông tin mã độc và đang hoạt động (theo số lượng phân bổ của Công an tỉnh).

e) Đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số trong văn bản điện tử, dịch vụ công trực tuyến; Đặc biệt là ứng dụng chữ ký số cá nhân của lãnh đạo trong việc ký số văn bản điện tử, xác thực dữ liệu số hóa, chứng thực bản sao điện tử từ bản chính và các kết quả giải quyết thủ tục hành chính khác.

g) Rà soát, cập nhật các chuyên mục đầy đủ theo quy định tại Điều 4 Chương II của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; thường xuyên cập nhật các nội dung, thông tin kịp thời trên Trang thông tin điện tử để phục vụ người dân, doanh nghiệp.

h) Đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị, địa phương được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số (cơ quan, đơn vị, địa phương tự tổ chức hoặc theo triệu tập của đơn vị cấp trên).

i) Các Sở, ban, ngành tỉnh thực hiện phân công, bố trí công chức, viên chức chuyên trách về chuyển đổi số và an toàn thông tin tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc (trừ các đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế).

k) Các sở, ban, ngành tỉnh: Chủ trì, rà soát, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện kết nối, đưa các dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) của ngành, lĩnh vực vào sử dụng chính thức tại tỉnh.

## **2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

a) Theo dõi, đôn đốc tiến độ giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Chủ trì triển khai, hướng dẫn các cơ quan số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương nâng cao mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền: Tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công.

## **3. Sở Tài chính**

a) Trên cơ sở tổng hợp dự toán kinh phí của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện các nội dung thuộc nhiệm vụ Kế hoạch này theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

b) Chủ trì rà soát, phối hợp với các cơ quan liên quan kết nối, đưa dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) về Cơ sở dữ liệu quốc gia Hệ thống Quản lý tài sản công và Hệ thống danh mục điện tử dùng chung ngành Tài chính vào sử dụng chính thức tại tỉnh.

## **4. Công an tỉnh**

a) Chủ trì, chỉ đạo, theo dõi phổ cập danh tính điện tử/danh tính số/tài khoản định danh điện tử cho người dân từ 14 tuổi trở lên được cấp tài khoản định danh điện tử mức 2 trở lên trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo đến hết năm 2026 **đạt trên 90%** người dân trên địa bàn tỉnh được cấp tài khoản định danh điện tử.

b) Chủ trì rà soát, phối hợp với các cơ quan liên quan kết nối, đưa dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) về Cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư vào sử dụng chính thức tại tỉnh.

c) Thẩm định và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ cho các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước theo đề nghị của cơ quan vận hành hệ thống thông tin (Căn cứ Điều 22, Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).

d) Xây dựng Phương án Ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; tổ chức các cuộc diễn tập xử lý sự cố tấn công mạng;

giám sát, theo dõi và xử lý sự cố tấn công mạng khi xảy ra trong cơ quan nhà nước (*Công an tỉnh chỉ xây dựng phương án chung cho cả tỉnh, các cơ quan, đơn vị tự xây dựng phương án riêng của mình*).

### **5. Bảo hiểm Xã hội tỉnh**

Chủ trì rà soát, phối hợp với các cơ quan liên quan kết nối, đưa dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm vào sử dụng chính thức tại tỉnh.

### **6. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

Chủ trì rà soát, phối hợp với các cơ quan liên quan kết nối, đưa dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; Liên thông Nông nghiệp Môi trường - Thuế giữa Hệ thống một cửa điện tử tỉnh với phần mềm chuyên ngành đăng ký đất đai và Hệ thống của Tổng cục Quản lý đất đai để gửi sang hệ thống của Tổng cục Thuế vào sử dụng chính thức tại tỉnh.

### **7. Sở Xây dựng**

a) Chủ trì rà soát, phối hợp với các cơ quan liên quan kết nối, đưa dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) hệ thống quản lý giao thông vận tải vào sử dụng chính thức tại tỉnh.

b) Chủ trì rà soát, phối hợp với các cơ quan liên quan kết nối, đưa dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) về đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính về thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện bán, cho thuê mua giữa Cổng dịch vụ công của Bộ Xây dựng và Cổng dịch vụ công của địa phương (*để tránh phải nhập hồ sơ trên 02 phần mềm*) vào sử dụng chính thức tại tỉnh.

### **8. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện:

a) Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây đạt tiêu chuẩn (đáp ứng các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ) và đảm bảo 100% hệ thống thông tin dùng chung có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, cập nhật Khung/Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam.

c) Tổ chức hội nghị, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng: kiến thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh;

Triển khai phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân trên nền tảng trực tuyến của Bộ Khoa học và Công nghệ (nền tảng MOOCs, bình dân học vụ số,...); Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.

d) Phần đầu đạt 100% tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân; 100% tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang.

đ) Triển khai đầy đủ các nền tảng số dùng chung trên Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, đảm bảo các nền tảng số được triển khai đều ứng dụng Trí tuệ nhân tạo.

e) Rà soát, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện việc đáp ứng các yêu cầu về chức năng, tính năng kỹ thuật của cổng thông tin điện tử theo quy định tại Chương II của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

g) Tích cực triển khai chương trình truyền thông, phổ biến, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần, sử dụng ứng dụng e-DongThap kết hợp thanh toán không dùng tiền mặt; nâng cao tỷ lệ của người dân doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến.

h) Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện: Nâng cao tỷ trọng kinh tế số đạt 20% GRDP; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.

i) Thúc đẩy các doanh nghiệp công nghệ số (có mã ngành kinh doanh chính thuộc các mã ngành kinh tế số ICT và kinh tế số nền tảng) đang hoạt động, có phát sinh doanh thu đạt tối thiểu 0.5%/dân số trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trên địa bàn tỉnh đạt tối thiểu 80%.

k) Đảm bảo cung cấp đầy đủ các chức năng trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 11/2025/TT-BKHCN ngày 30/6/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 21/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) quy định về chức năng, tính năng kỹ thuật của hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

l) Thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng tên miền “.vn” nhằm gia tăng số lượng tên miền “.vn” theo các nội dung tuyên truyền triển khai “Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn”.

m) Chủ trì tổng hợp số liệu báo cáo đánh giá DTI theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị, địa phương trong việc thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao và tổng hợp, báo cáo kết quả, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện về Ủy ban nhân dân và đề xuất giải pháp thực hiện cho năm tiếp theo.

n) Tổng hợp dự toán kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện.

## **9. Ủy ban nhân dân xã, phường**

a) Đẩy mạnh hoạt động, hiệu quả Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp trong triển khai thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” tại Kế hoạch số 252/KH-UBND ngày 17/9/2025 của UBND tỉnh.

b) Phân công, bố trí công chức, viên chức chuyên trách chuyển đổi số và an toàn thông tin tại các phòng ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc tại UBND xã, phường (trừ các đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế).

c) Chủ trì, phối hợp các doanh nghiệp công nghệ thông tin, viễn thông triển khai cho người dân từ 14 tuổi trở lên đăng ký sử dụng chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân để thuận tiện trong việc thực hiện các giao dịch điện tử, phấn đấu đạt tỷ lệ tối thiểu 50%.

d) Tuyên truyền về lợi ích của tên miền quốc gia, thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng tên miền “.vn” nhằm gia tăng số lượng tên miền “.vn” theo các nội dung tuyên truyền triển khai Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn”.

## **10. Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Tháp**

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan cập nhật tối thiểu 52 tin, bài/năm về chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

## **11. Bưu điện tỉnh**

Phối hợp với các cơ quan liên quan kết nối, đưa dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) Hệ thống phục vụ dịch vụ Bưu chính công ích; Hệ thống mã bưu chính Vpostcode vào sử dụng chính thức tại tỉnh.

## **12. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh**

Phối hợp các đơn vị liên quan hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thực hiện chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

### 13. Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường triển khai các giải pháp đảm bảo 90% tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet băng rộng cáp quang trên cơ sở đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp; tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân; tỷ lệ áp, khu phố được phủ băng rộng cố định và phủ sóng di động băng rộng.

b) Phối hợp với các Ủy ban nhân dân xã, phường cung cấp chữ ký số công cộng và có giải pháp hỗ trợ người dân ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị và địa phương quan tâm chỉ đạo xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện chi tiết các nhiệm vụ chuyển đổi số đạt kết quả cao nhất, trong đó chỉ rõ những đơn vị cụ thể có liên quan cần phối hợp thực hiện tiêu chí trong Kế hoạch này; tổng hợp kết quả thực hiện trong Kế hoạch triển khai của cơ quan, đơn vị; cung cấp đầy đủ các số liệu theo chỉ tiêu được giao tại **Phụ lục II** của Kế hoạch này **trước ngày 20/12/2026** và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để phối hợp giải quyết; trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp báo cáo và đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Như mục V;
- VPUB: CVP, các PCVP, TTPVHCC;
- Lưu: VT, KGVX (vttoan).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Minh Tuấn**

**Phụ lục I**  
**ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ CHƯA ĐẠT VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2025**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

**1. Nhận thức số**

STT	Tên chỉ số	Nguyên nhân	Giải pháp	Cơ quan chủ trì khắc phục	Ghi chú
1	1.4. Cơ quan báo chí của Tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số: đạt 05/10 điểm	Số lượng tin, bài trên trang thông tin điện tử của báo chí đạt dưới 52 tin bài/năm	Cơ quan báo chí thực hiện đăng trên 52 tin bài/năm về chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử của đơn vị	Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Tháp	

**2. Thể chế số**

STT	Tên chỉ số	Nguyên nhân	Giải pháp	Cơ quan chủ trì khắc phục	Ghi chú
1	2.3. Ban hành, cập nhật Khung/Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam: Đạt 0/10 điểm	Chưa ban hành kịp thời Khung/Kiến trúc Chính quyền điện tử, chính quyền số phiên bản mới nhất	Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Khung/Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh tại Tờ trình số 3947/TTr-SKH&CN ngày 31/12/2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026 đã ban hành

### 3. Hạ tầng số

STT	Tên chỉ số	Nguyên nhân	Giải pháp	Cơ quan chủ trì khắc phục	Ghi chú
1	3.3. Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân: đạt 27.24/30 điểm do đạt 90.8%	Do một số người dân vẫn còn sử dụng thiết bị điện thoại chỉ hỗ trợ công nghệ 2G nên chưa chuyển đổi sang thiết bị thông minh hỗ trợ 4G/5G	Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp thực hiện với các doanh nghiệp viễn thông và UBND xã, phường chuyển đổi toàn bộ thuê bao 2G còn lại sang sử dụng mạng 4G/5G, qua đó đảm bảo đạt tỷ lệ tối đa cho chỉ tiêu thuê bao băng rộng di động	Sở Khoa học và Công nghệ; doanh nghiệp viễn thông	
2	3.5. Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây: đạt 16.88/30 điểm; đạt 62.5% (5/8) hệ thống thông tin dùng chung có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu	03 hệ thống chưa triển khai sử dụng dịch vụ điện toán đám mây: Nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức; Nền tảng họp trực tuyến; Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai đầy đủ các hệ thống sử dụng dịch vụ điện toán đám mây	Sở Khoa học và Công nghệ	
3	3.6. Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung: Đạt 25.71/30 điểm (năm 2024 tỉnh có	Chưa triển khai nền tảng “Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh, thành phố phục vụ	Thực hiện triển khai các nền tảng số theo yêu cầu trên Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	Tên chỉ số	Nguyên nhân	Giải pháp	Cơ quan chủ trì khắc phục	Ghi chú
	6/7 nền tảng số triển khai tập trung trên Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh)	hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước” theo danh mục nền tảng số yêu cầu			
4	3.7. Mức độ ứng dụng AI: đạt 10/20 điểm	Chưa có triển khai ứng dụng AI phục vụ cho cán bộ, công chức, viên chức	Triển khai Nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức có ứng dụng AI để sử dụng	Sở Khoa học và Công nghệ	

#### 4. Nhân lực số

STT	Tên chỉ số	Nguyên nhân	Giải pháp	Cơ quan chủ trì khắc phục	Ghi chú
1	4.1. Sở, ban, ngành, xã có bộ phận/đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị: đạt 0/10 điểm	Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị có đầu mối phụ trách chuyên đổi số đạt 62.11% (yêu cầu phải đạt 100% thì sẽ đạt điểm chuẩn của tiêu chí này)	Các cơ quan, đơn vị bố trí đầu mối và có quyết định thực hiện nhiệm vụ chuyên đổi số	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường	
2	4.2. Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách về chuyển đổi số: đạt 0/30 điểm	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách về chuyển đổi số chỉ đạt 4.2% (yêu cầu phải đạt 10% thì sẽ đạt điểm chuẩn của tiêu chí này)	Các cơ quan, đơn vị phân công bố trí tối thiểu 01 CBCCVC chuyên trách về chuyển đổi số (bao gồm đơn vị trực thuộc), đồng thời có quyết định phân công nhiệm vụ; Đối với UBND xã, phường: mỗi phòng, ban,	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường	

STT	Tên chỉ số	Nguyên nhân	Giải pháp	Cơ quan chủ trì khắc phục	Ghi chú
			đơn vị trực thuộc phải bố trí tối thiểu 01 CBCCVC và có quyết định phân công cụ thể		
3	4.4. Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên đổi số: đạt 15.9/20 điểm	Đạt 79.48% CBCCVC tham gia tập huấn các lớp về ứng dụng các nền tảng số dùng chung của tỉnh, ứng dụng trí tuệ nhân tạo,...	Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, triển khai thêm các lớp tập huấn về chuyên đổi số, đồng thời các cơ quan, đơn vị tự rà soát, xây dựng triển khai các lớp tập huấn đến CBCCVC trong cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường	
4	4.5. Số lượng thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng trên 100 dân: đạt 0/10 điểm	Đạt 0.42% (yêu cầu phải đạt tối thiểu 5% thì sẽ đạt điểm chuẩn của tiêu chí này).	UBND xã, phường rà soát, nâng cao số lượng, chất lượng tổ công nghệ số cộng đồng và có quyết định phân công danh sách, nhiệm vụ cụ thể; Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện tham mưu xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	UBND xã, phường	
5	4.6. Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số: đạt 4.22/10	Người dân chưa hiểu rõ về lợi ích của việc tham gia tập huấn về nền tảng số, chuyên đổi số	Thông báo, triển khai các khóa tập huấn trên các nền tảng của Bộ ngành tổ chức đến CBCCVC; tuyên truyền	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường	

STT	Tên chỉ số	Nguyên nhân	Giải pháp	Cơ quan chủ trì khắc phục	Ghi chú
	điểm do đạt 42.24% tham dự tập huấn		cho học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh biết đến nền tảng số và những lợi ích do nó mang lại để tự cập nhật kiến thức về chuyển đổi số trên nền tảng này		

### 5. An toàn thông tin mạng

STT	Tên chỉ số	Nguyên nhân	Giải pháp	Cơ quan chủ trì khắc phục	Ghi chú
1	5.1. Tỷ lệ hệ thống thông tin được xác định và phê duyệt cấp độ an toàn: đạt 12.83/20 điểm. Lý do: đạt 64.16 (145/226) hệ thống được phê duyệt	Một số hệ thống thông tin chưa được phê duyệt	Hoàn thiện và phê duyệt các hệ thống thông tin đủ điều kiện cấp độ an toàn	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường	
2	5.4. Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hàng năm: đạt 7.5/10 điểm do đạt 75% (3/4) hệ thống cấp độ 3 trở lên được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin	Có 01 hệ thống (hệ thống quản lý văn bản và điều hành) chưa đánh giá an toàn thông tin	Tăng cường công tác kiểm tra an toàn thông tin các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh	Công an tỉnh	

STT	Tên chỉ số	Nguyên nhân	Giải pháp	Cơ quan chủ trì khắc phục	Ghi chú
3	5.5. Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hàng năm đầy đủ các nội dung và hình thức theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT: đạt 0/10 điểm do	Hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên chưa được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hàng năm đầy đủ các nội dung và hình thức theo quy định	Tăng cường công tác kiểm tra an toàn thông tin mạng LAN của các sở, ngành, UBND xã, phường	Công an tỉnh	
4	5.6. Tỷ lệ hệ thống thông tin đã ban hành đầy đủ các phương án ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin quy định tại Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg: đạt 6.42/10 điểm	Một số hệ thống tin chưa đã ban hành đầy đủ các phương án ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin	Hoàn thiện và phê duyệt giải pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh, nhất là mạng LAN của các cơ quan, đơn vị	Công an tỉnh	

### 6. Hoạt động chính quyền số

STT	Tên chỉ số	Nguyên nhân	Giải pháp	Cơ quan chủ trì khắc phục	Ghi chú
1	6.2. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ	Theo kết quả đánh giá của Bộ KH&CN (tại Công văn số 2710/BTTTT-CĐSQG), hệ thống thông tin giải	Rà soát, cung cấp đầy đủ chức năng tính năng kỹ thuật trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	Tên chỉ số	Nguyên nhân	Giải pháp	Cơ quan chủ trì khắc phục	Ghi chú
	thuật theo quy định: đạt 0/20 điểm	quyết TTHC tỉnh chưa đáp ứng ở mức B			
2	6.3. Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại Tỉnh, thành phố: đạt 12.5/20 điểm do đạt 62.5% (10/16) hệ thống được kết nối	hệ thống thông tin chuyên ngành của cơ quan chưa được kết nối hoặc đã kết nối nhưng chưa phát sinh dữ liệu (Hệ thống định danh và xác thực điện tử; Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; Hệ thống dịch vụ công quản lý giao thông vận tải lĩnh vực đường bộ; Cổng dịch vụ công của Bộ Xây dựng; Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội)	Phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có hệ thống thông tin cần kết nối với NDXP chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định	Sở Tài chính; Công an tỉnh; Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Bưu điện tỉnh chủ động phối hợp với đơn vị Bộ ngành rà soát	
3	6.4. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình: đạt 0/20 điểm do đạt 57.60% (yêu cầu phải	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình chưa đạt theo quy định	Các Sở, ban ngành tỉnh rà soát các thủ tục hành chính đủ điều kiện đưa lên dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Sở, ban ngành tỉnh	

STT	Tên chỉ số	Nguyên nhân	Giải pháp	Cơ quan chủ trì khắc phục	Ghi chú
	đạt tối thiểu 60% sẽ đạt điểm chuẩn)				
4	6.5. Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến: đạt 14.91/20 điểm do chỉ đạt 59.65% hồ sơ được nộp trực tuyến (yêu cầu phải tối thiểu 80%); Tiêu chí 6.6. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình: đạt 9.84/50 điểm do đạt 13.77% hồ sơ (yêu cầu phải đạt tối thiểu 70%)	Chủ yếu do yếu tố khách quan, người dân quen việc nộp hồ sơ trực tuyến, chưa hiểu rõ lợi ích của việc nộp hồ sơ trực tuyến	Sở, ban ngành tỉnh tuyên truyền, phổ biến đến người dân việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến; hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện	Sở, ban ngành tỉnh; UBND xã, phường	
5	6.9. Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số: đạt 14.11/30 điểm do kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho chính quyền số là 0.47% (yêu cầu phải đạt tối thiểu 1%)	Tỷ lệ chi ngân sách thực tế dành cho chính quyền số hiện chỉ đạt 0,47%, thấp hơn mức yêu cầu tối thiểu là 1% tổng chi ngân sách nhà nước	Cần tham mưu ưu tiên bố trí tăng nguồn vốn đầu tư công hoặc chi thường xuyên cho các dự án chuyển đổi số để nâng tỷ lệ này lên mức tối thiểu 1% theo quy định	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	

## 7. Hoạt động Kinh tế số

STT	Tên chỉ số	Nguyên nhân	Giải pháp	Cơ quan chủ trì khắc phục	Ghi chú
1	7.1. Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP: Đạt 23.86/50 điểm	Giá trị tăng thêm của kinh tế số chỉ đạt 9.54% (yêu cầu tối thiểu 20%)	Đầu tư, thu hút phát triển doanh nghiệp công nghệ số, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia nền tảng số;...	Sở Khoa học và Công nghệ	
2	7.2. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số/1000 dân: đạt 0.52/30 điểm. Lý do: đạt 0.02% số lượng doanh nghiệp công nghệ số (yêu cầu đạt tối thiểu 0.5%)	Số lượng doanh nghiệp công nghệ số hiện tại quá thấp (chỉ đạt 0,02%) so với mức tối thiểu 0,5% do thiếu môi trường, động lực thúc đẩy thành lập mới và sự chậm trễ trong việc chuyển đổi từ doanh nghiệp truyền thống sang công nghệ số	Cần có cơ chế ưu đãi về vốn, thuế và thị trường để vừa khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo, vừa hỗ trợ mạnh mẽ các doanh nghiệp hiện hữu chuyển đổi mô hình kinh doanh sang công nghệ số	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	
3	7.5. Số lượng tên miền “.vn”: đạt 9.79/30 điểm do chỉ đạt 38.58% số doanh nghiệp trên địa bàn có tên miền “.vn”	Phần lớn doanh nghiệp chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của việc xây dựng thương hiệu số và lợi ích kinh tế, an toàn khi sử dụng tên miền quốc gia “.vn”	Tuyên truyền về lợi ích của tên miền quốc gia kết hợp với các chính sách hỗ trợ phí đăng ký để khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi số	Sở, ban ngành tỉnh; UBND xã, phường	

### 8. Hoạt động Xã hội số

STT	Tên chỉ số	Nguyên nhân	Giải pháp	Cơ quan chủ trì khắc phục	Ghi chú
1	8.1. Tỷ lệ người dân từ 14 tuổi trở lên có danh tính điện tử sử dụng được cho các giao dịch điện tử: đạt 45.49/50 điểm. Lý do: đạt 82.92%	Một bộ phận người dân (chủ yếu là người cao tuổi, vùng sâu vùng xa) còn thiếu thiết bị thông minh hoặc hạn chế về kỹ năng số nên chưa thể kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử	Lực lượng Công an cơ sở trực tiếp hỗ trợ kích hoạt cho người dân sử dụng tài khoản định danh điện tử	Công an tỉnh	
2	8.2. Tỷ lệ dân số từ 14 tuổi trở lên có chứng thư số cá nhân: 6.87/50 điểm. Lý do: đạt 6.87% số lượng chứng thư số mà các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng; tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng đã cấp cho các cá nhân và đang còn hiệu lực tính đến thời điểm cuối kỳ báo cáo (yêu cầu đạt tối thiểu 50%)	Tỷ lệ đạt thấp do người dân chưa thấy rõ lợi ích thiết thực, đồng thời thiếu các trường hợp sử dụng cụ thể, thuận tiện trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến để tạo thói quen dùng chữ ký số	Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông cần triển khai chiến dịch cung cấp chữ ký số miễn phí hoặc giá ưu đãi	Sở Khoa học và Công nghệ	
3	8.3. Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công	Công tác phổ cập và đào tạo kỹ năng số chưa tiếp	Tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn về kỹ năng số cơ	Các sở, ban, ngành tỉnh và	

STT	Tên chỉ số	Nguyên nhân	Giải pháp	Cơ quan chủ trì khắc phục	Ghi chú
	nghệ thông tin và truyền thông: đạt 29.46/50 điểm. Lý do: đạt 41.24% số người biết kỹ năng công nghệ thông tin và truyền thông mức cơ bản	cận sâu rộng đến toàn bộ người dân, dẫn đến tỷ lệ người sử dụng thành thạo thiết bị và ứng dụng công nghệ còn thấp (chỉ 41,24%)	bản cho người dân qua hình thức trực tuyến và trực tiếp; tham gia các khóa nền tảng tập huấn trực tuyến	UBND xã, phường tổ chức các lớp tập huấn trực tuyến, trực tiếp, tuyên truyền về kỹ năng số	

**Phụ lục II**  
**NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NÂNG CAO CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ DTI TỈNH ĐỒNG THÁP NĂM 2026**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

**1. Nhận thức số**

STT	Tên chỉ số	Hiện trạng 2025	Phấn đấu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Người đứng đầu Tỉnh, thành phố (Bí thư hoặc Chủ tịch Tỉnh, thành phố) là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số của Tỉnh	Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số và có hoạt động chủ trì, chỉ đạo chuyển đổi số	Duy trì	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở, ban, ngành tỉnh	Thường xuyên
2	Ban hành các văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số	100%	Duy trì	Văn phòng UBND Tỉnh tham mưu, trình Chủ tịch ký	Sở khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
3	Công thông tin điện tử của Tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số hoặc có chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số	Có, số lượng tin bài trong năm > 52	Duy trì	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh	Thường xuyên
4	Cơ quan báo chí của Tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Có chuyên mục về chuyển đổi số và có số lượng tin,	Cung cấp tin bài về chuyển đổi số trên 52 tin bài trên	Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Tháp	Các Sở, ban, ngành tỉnh	Thường xuyên

STT	Tên chỉ số	Hiện trạng 2025	Phấn đấu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
		bài đạt dưới 52 tin bài/năm	chuyên mục Chuyển đổi số			
5	Báo và phát thanh, truyền hình có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Đã có chuyên mục riêng về CDS và số lượng phát sóng đạt từ 12 lần phát sóng/năm trở lên	Duy trì	Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở, ban, ngành tỉnh	Thường xuyên

## 2. Thẻ chỉ số

STT	Tên chỉ số	Hiện trạng 2025	Phấn đấu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp uỷ về chuyển đổi số của Tỉnh, thành phố	Đã ban hành	Duy trì	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở, ban, ngành tỉnh	Thường xuyên
2	Ban hành Kế hoạch hành động 5 năm và hằng năm của Tỉnh, thành phố về chuyển đổi số	Đã ban hành	Duy trì	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở, ban, ngành tỉnh	Thường xuyên

STT	Tên chỉ số	Hiện trạng 2025	Phấn đấu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
3	Ban hành, cập nhật Khung/Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam	Đã ban hành	Duy trì	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở, ban, ngành	Thường xuyên
4	Ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)	Đã ban hành	Duy trì	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở, ban, ngành tỉnh	Thường xuyên

### 3. Hạ tầng số

STT	Tên chỉ số	Hiện trạng 2025	Phấn đấu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng	100%	Duy trì	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông	Thường xuyên
2	Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định	100%	Duy trì	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông	Thường xuyên
3	Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân	100%	Duy trì	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông	Thường xuyên
4	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang	88.66	90%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông	Thường xuyên

STT	Tên chỉ số	Hiện trạng 2025	Phấn đấu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
5	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	62.5% (5/8)	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành	Triển khai theo dự án Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh
6	Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung	85.71% (Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước chưa triển khai)	Rà soát, triển khai 100% nền tảng số dùng chung	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành	Tháng 10/2026
7	Mức độ ứng dụng AI	Chưa triển khai ứng dụng AI phục vụ cho cán bộ, công chức, viên chức	Rà soát, triển khai ứng dụng AI theo tiêu chí	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành	Tháng 10/2026

#### 4. Nhân lực số

STT	Tên chỉ số	Hiện trạng 2025	Phấn đấu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Sở, ban, ngành, xã có bộ phận/đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị	62.11%	100%	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường có quyết định phân công công chức, viên chức chuyên trách về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2026
2	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách về chuyển đổi số <i>Ghi chú: không bao gồm các đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế.</i>	4.2%	10%	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường có quyết định phân công công chức, viên chức chuyên trách về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2026
3	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách về An toàn thông tin mạng <i>Ghi chú: không bao gồm các đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế.</i>	3.36%	Duy trì	Các Sở, ban ngành tỉnh; UBND xã, phường rà soát, có quyết định phân công công chức, viên chức chuyên trách về ATTT	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2026
4	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng,	79.48%	100%	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã,	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 10/2026

<b>STT</b>	<b>Tên chỉ số</b>	<b>Hiện trạng 2025</b>	<b>Phấn đấu năm 2026</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
	tập huấn về chuyển đổi số			phường tự tổ chức các lớp tập huấn hoặc theo triệu tập của đơn vị cấp trên		
5	Số lượng thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng trên 100 dân	0.42%	5%	UBND xã, phường có quyết định thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2026
6	Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số	42.24%	100%	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường thông báo, triển khai các khóa tập huấn trên các nền tảng của Bộ ngành tổ chức đến CBCCVC; người dân; tổ chức lớp tập huấn trực tiếp, trực tuyến	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý III/2026

### 5. An toàn thông tin mạng

STT	Tên chỉ số	Hiện trạng 2025	Phấn đấu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Tỷ lệ hệ thống thông tin được xác định và phê duyệt cấp độ an toàn	64.16	100%	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường rà soát, gửi hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt về Công an tỉnh	Công an tỉnh	Tháng 10/2026
2	Tỷ lệ hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt	100%	Duy trì	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Công an tỉnh	Thường xuyên
3	Tỷ lệ hệ thống thông tin được triển khai giám sát an toàn thông tin và cài đặt đầy đủ phần mềm phòng chống mã độc tập trung	100%	Duy trì	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Tháng 10/2026
4	Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được kiểm tra, đánh	75% (hệ thống quản lý văn bản và điều	Rà soát, đảm bảo 100% hệ thống được đánh giá ATTT	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Tháng 10/2026

STT	Tên chỉ số	Hiện trạng 2025	Phấn đấu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	giá an toàn thông tin hàng năm	hành chưa đánh giá)				
5	Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hàng năm đầy đủ các nội dung và hình thức theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT	60%	Rà soát, đảm bảo 100% hệ thống được đánh giá ATTT	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Quý III/2026
6	Tỷ lệ hệ thống thông tin đã ban hành đầy đủ các phương án ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin quy định tại Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg	64.16%	100%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Tháng 10/2026
7	Cổng thông tin điện tử được cấp chứng nhận tín nhiệm mạng	Đã được cấp tín nhiệm mạng	Duy trì	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các đơn vị liên quan	Thường xuyên
8	Cổng Dịch vụ công được cấp chứng nhận tín nhiệm mạng	Đã được cấp tín nhiệm mạng	Duy trì	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các đơn vị liên quan	Thường xuyên

## 6. Hoạt động chính quyền số

STT	Tên chỉ số	Hiện trạng 2025	Phấn đấu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Công thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Đáp ứng	Duy trì	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND xã, phường	Thường xuyên
2	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Chưa đáp ứng mức B	Rà soát, đảm bảo đầy đủ các chức năng, đáp ứng mức A	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh	Triển khai theo dự án
3	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại Tỉnh, thành phố	62.5% (10/16) hệ thống được kết nối	100%	Sở Tài chính; Công an tỉnh; Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Bưu điện tỉnh chủ động phối hợp với đơn vị Bộ ngành rà soát	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2026
4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình (Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức	57.6%	Tối thiểu 60%	Sở, ban ngành tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên

STT	Tên chỉ số	Hiện trạng 2025	Phân đầu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	độ toàn trình/ Tổng số dịch vụ công)					
5	Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến (Tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trong năm của các cơ quan, đơn vị/ Tổng số hồ sơ nộp trực tuyến của DVCTT mức độ một phần và toàn trình)	59.65%	Tối thiểu 80%	Sở, ban ngành tỉnh; UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
6	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình (Tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trong năm của các cơ quan, đơn vị/ Tổng số hồ sơ trực tuyến toàn trình của DVCTT mức độ toàn trình)	13.77%	70%	Sở, ban ngành tỉnh; UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
7	Tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	100%	Duy trì	Sở, ban ngành tỉnh; UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên

STT	Tên chỉ số	Hiện trạng 2025	Phấn đấu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
8	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công	96.30	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban ngành tỉnh; UBND xã, phường	Thường xuyên
9	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	0.47%	1%	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban ngành tỉnh; UBND xã, phường	Tháng 11/2026

### 7. Hoạt động Kinh tế số

STT	Tên chỉ số	Hiện trạng 2025	Phấn đấu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	9.54%	20%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành tỉnh; Thống kê tỉnh; Sở Tài chính	Thường xuyên
2	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số/1000 dân	0.02%	Phấn đấu tăng tối thiểu 1.5%	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành tỉnh; Thống kê tỉnh	Thường xuyên
3	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	81.15%	87%	Sở Khoa học và Công nghệ	Thuế tỉnh	Thường xuyên
4	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định	77.91%	Duy trì	Bưu điện tỉnh	Sở, ban ngành tỉnh; UBND xã, phường	Thường xuyên
5	Số lượng tên miền .vn	38.58%	80%	Sở, ban ngành tỉnh; UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên

### 8. Hoạt động Xã hội số

STT	Tên chỉ số	Hiện trạng 2025	Phấn đấu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Tỷ lệ người dân từ 14 tuổi trở lên có danh tính điện tử sử dụng được cho các giao dịch điện tử (Dân số từ 14 tuổi trở lên đã được cấp tài khoản định danh điện tử mức 2 trở lên/ Dân số trung bình từ 14 tuổi trở lên)	82.92%	95%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND xã, phường	Tháng 11/2026
2	Tỷ lệ dân số từ 14 tuổi trở lên có chứng thư số cá nhân	6.87%	50%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND xã, phường	Tháng 11/2026
3	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	41.24%	70%	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND xã, phường tổ chức các lớp tập huấn trực tuyến, trực tiếp, tuyên truyền về kỹ năng số	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 11/2026